

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1009/TTr-TNMT ngày 02/6/2023 và ý kiến của các thành viên UBND huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Hana Kovi Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính tại Cụm công nghiệp Đồng Đình, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động Bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất quần áo, mũ các loại. Nhà máy nhuộm” tại Cụm công nghiệp Đồng Đình, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất quần áo, mũ các loại. Nhà máy nhuộm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp Đồng Đình, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

1.3. Chủ dự án: Công ty TNHH Hana Kovi Việt Nam.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2400346052 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 04/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 20/04/2022.

1.5. Mã số thuế: 2400346052.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công các sản phẩm may mặc.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại cụm công nghiệp Đồng Đình, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang với diện tích là 13.940,4 m².

- Quy mô, công suất của dự án:

+ Sản xuất mũ: 5.000.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất quần áo: 1.500.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất túi xách: 750.000 sản phẩm/năm.

+ Sản xuất gang tay: 750.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp Đồng Đình, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Hana Kovi Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Hana Kovi Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hana Kovi Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND huyện Tân Yên, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị trấn Cao Thượng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND huyện Tân Yên, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Yên.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm.

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện chủ trì, phối hợp với UBND thị trấn Cao Thượng, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Nhà máy sản xuất quần áo, mũ các loại. Nhà máy nhuộm” tại Cụm công nghiệp Đồng Đình, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Hana Kovi Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND thị trấn Cao Thượng; Công ty TNHH Hana Kovi Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5 (t/h);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng TN&MT;
- UBND thị trấn Cao Thượng;
- LĐVP, CVTNMT;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thế Huy

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GP-UBND ngày /.../2023 của UBND huyện Tân Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: Gồm 1 nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại dự án.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

- Dòng nước thải: Có 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 50 m³/ngày.đêm được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B thải vào hệ thống thu gom nước thải, đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của CCN Đồng Đình để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A trước khi xả ra môi trường (Mương thoát nước chung của khu vực).

Trong thời gian cụm công nghiệp Đồng Đình chưa có trạm xử lý nước thải tập trung, Công ty TNHH Hana Kovi Việt Nam xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A, thoát vào rãnh thoát nước thải của cụm công nghiệp Đồng Đình rồi thải ra môi trường.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thu gom, thoát nước thải của cụm công nghiệp Đồng Đình, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- 01 vị trí tại hố ga thu gom, thoát nước thải của cụm công nghiệp Đồng Đình phía sau tường rào ở phía Đông của dự án.

+ Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 2365491; Y = 409581 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiều 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất 36 m³/ngày.đêm, tương đương khoảng 1,5 m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý có các thông số ô nhiễm nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT cột B được tự chảy qua đường ống PVC D110 chảy ra hố ga thu gom, thoát nước thải của cụm công nghiệp Đồng Đình.

Trong thời gian cụm công nghiệp Đồng Đình chưa có trạm xử lý nước thải tập trung, Công ty TNHH Hana Kovi Việt Nam xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A, thoát vào rãnh thoát nước thải của cụm công nghiệp Đồng Đình rồi thải ra môi trường.

2.3.2. Chế độ xả nước: Xả nước thải liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải sau xử lý và trước khi đầu nối với hệ thống thu gom nước thải của cụm công nghiệp Đồng Đình, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN

40:2011/BTNMT, cột B. Trong thời gian cụm công nghiệp Đồng Đình chưa có trạm xử lý nước thải tập trung, Công ty TNHH Hana Kovi Việt Nam xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A, thoát vào rãnh thoát nước thải của cụm công nghiệp Đồng Đình rồi thải ra môi trường; cụ thể như sau:

** Giai đoạn cụm công nghiệp Đồng Đình chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung*

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6 - 9	06 tháng/lần
2	Chất rắn lơ lửng	mg/L	45	
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	67,5	
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	27	
5	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	4,5	
6	Tổng Nitơ	mg/L	18	
7	Tổng Photpho	mg/L	3,6	
8	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	0,18	
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	4,5	
10	Coliform	Vi khuẩn/100mL	3.000	

** Giai đoạn cụm công nghiệp Đồng Đình có hệ thống xử lý nước thải tập trung*

TT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 40:2011/BTNMT, Cột B)
1	pH	-	5,5-9
2	Chất rắn lơ lửng	mg/L	100
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	150
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	50
5	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	10
6	Tổng Nitơ	mg/L	40
7	Tổng Photpho	mg/L	6
8	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	0,5
9	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	10
10	Coliform	Vi khuẩn/100mL	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải từ khu vệ sinh của nhà ở chuyên gia, xưởng thêu, xưởng may được thu gom và xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 3 ngăn có thể tích lần lượt là 5m^3 ($2,4 \times 1,4 \times 1,5\text{m}$), 10m^3 ($3,7 \times 1,7 \times 1,6\text{m}$), 30m^3 ($6,2 \times 2,2 \times 1,6\text{m}$); Nước thải phát sinh từ nhà bếp, nhà ăn: Được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ thể tích $3,36\text{ m}^3$ ($2,4 \times 1,4 \times 1\text{m}$).

Nước thải phát sinh từ các khu vệ sinh sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, nước thải từ nhà bếp và nhà ăn sau khi xử lý qua bể tách dầu mỡ và nước thải từ nguồn khác: Rửa chân tay, rửa sàn,... được thu gom vào đường ống PVC D200 với tổng chiều dài khoảng 304 m chảy vào trạm xử lý nước thải tập trung công suất xử lý $50\text{ m}^3/\text{ngày}$ với công nghệ sinh học để xử lý.

Nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn được chảy qua đường ống PVC D110 với tổng chiều dài khoảng 34m chảy ra rãnh thoát nước thải của cụm công nghiệp Đồng Đình theo một điểm xả.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $50\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, bể tách dầu mỡ => bể điều hòa => bể yếm khí => bể hiếu khí => bể lắng bùn => bể khử trùng => bể tiếp xúc. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B trước khi thoát vào rãnh thoát nước thải của cụm công nghiệp Đồng Đình.

Trong thời gian cụm công nghiệp Đồng Đình chưa có trạm xử lý nước thải tập trung, Công ty TNHH Hana Kovi Việt Nam xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A, thoát vào rãnh thoát nước thải của cụm công nghiệp Đồng Đình rồi thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: $50\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

- Hóa chất sử dụng giai đoạn Chủ đầu tư hạ tầng của cụm công nghiệp Đồng Đình chưa xây dựng, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp (Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT cột A):

+ Dung dịch NaOH: 7,5 kg/ngày.

+ Dung dịch Metanol: 10 kg/ngày.

+ Dung dịch Javel: 0,15 kg/ngày.

- Hóa chất sử dụng giai đoạn Chủ đầu tư hạ tầng của CCN Đồng Đình đã xây dựng và đưa hệ thống xử lý nước thải tập trung của CCN đi vào vận hành:

+ Dung dịch Javel: 0,15 kg/ngày.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố.

1.3.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải.

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Hằng ngày tiến hành kiểm tra, kiểm soát định kỳ hệ thống.
- Lắp đặt các bơm nước thải hoạt động luân phiên, trong trường hợp hỏng bơm thì hệ thống vẫn hoạt động bình thường không bị gián đoạn.
- Trang bị đầy đủ trang thiết bị, bảo hộ lao động cho công nhân vận hành hệ thống.
- Thường xuyên bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng hóc, đảm bảo thay thế và bảo dưỡng các thiết bị xử lý để đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.
- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất, không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.
- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.
- Đảm bảo quy trình vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng kỹ thuật, tuân thủ định mức hóa chất.
- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: Máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.3.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất trạm xử lý hay sự cố kỹ thuật khác:
 - + Phải dừng hoạt động trạm xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục.
 - + Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị máy móc của trạm và phải dừng hoạt động của trạm.
- Sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn: Nước thải qua trạm xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh và đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý.
- Trường hợp khi rãnh tiếp nhận nước thải của CCN Đồng Đình bị hư hỏng, sạt lở, bùn rác lắng đọng hoặc mực nước thải trong rãnh quá cao làm cho nước thải sau xử lý của dự án khi chảy vào rãnh không thể tiêu thoát được. Chủ dự án sẽ liên hệ và phối hợp với Đơn vị quản lý hạ tầng của CCN Đồng Đình để tiến

hành nạo vét bùn rác lắng đọng, sửa chữa lại vị trí rãnh bị hư hỏng.

- Sự cố trạm xử lý nước thải tập trung của CCN Đồng Đình bị hỏng hóc nên không tiếp nhận được nước thải của dự án: Chủ dự án bổ sung vào bể hiếu khí của trạm xử lý nước thải tập trung dung dịch NaOH, Metanol có tác dụng điều chỉnh pH và cung cấp dinh dưỡng cho các vi sinh vật để xử lý nước thải đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (Cột A) trước khi thải ra hệ thống thu gom, thoát nước thải của CCN Đồng Đình.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Chủ dự án đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số: 412/GP-TNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang cấp ngày 31/07/2020. Căn cứ theo Khoản 4, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm đối với hệ thống xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung cụm công nghiệp Đồng Đình, thị trấn Cao Thượng, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang; không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

Trong thời gian cụm công nghiệp Đồng Đình chưa có trạm xử lý nước thải tập trung, Công ty TNHH Hana Kovi Việt Nam xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A, thoát vào rãnh thoát nước thải của cụm công nghiệp Đồng Đình rồi thải ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với trạm xử lý nước, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND huyện Tân Yên, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tân Yên và Chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp Đồng Đình để kịp thời xử lý./.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GP-UBND ngày /.../2023 của
UBND huyện)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Gồm 02 nguồn:

+ 01 nguồn phát sinh quá trình may các sản phẩm.

+ 01 nguồn phát sinh quá trình thêu các sản phẩm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn:

+ 01 vị trí tại khu vực giữa các chuyền may của nhà xưởng may. Toạ độ vị trí phát sinh: X = 2365473; Y = 409492 (Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3^o).

+ 01 vị trí tại khu vực giữa nhà xưởng thêu. Toạ độ vị trí phát sinh: X = 2365442; Y = 409483 (Theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3^o).

3. Tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, QCVN 27:2016/BYT - Quy định Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Giá trị cho phép tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

3.1 Tiếng ồn:

<i>TT</i>	<i>Từ 6-21 giờ (dBA)</i>	<i>Từ 21 - 6 giờ (dBA)</i>	<i>Tần suất quan trắc định kỳ</i>	<i>Ghi chú</i>
1	85	85	-	Khu vực thông thường

3.2 Độ rung:

<i>TT</i>	<i>Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dBA</i>		<i>Tần suất quan trắc định kỳ</i>	<i>Ghi chú</i>
	<i>Từ 6-21 giờ</i>	<i>Từ 21 - 6 giờ</i>		
1	1,4m/s ² (103 dBA)	1,4m/s ² (103 dBA)	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Trong quá trình sản xuất, Chủ dự án không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu gây tiếng ồn cao nhằm giảm thiểu sự lan truyền của tiếng ồn.

- Thường xuyên thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc thiết bị, lau dầu mỡ để giảm tiếng ồn khi vận hành.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất: Quần áo, khẩu trang, bông bịt tai...

- Không cho xe nổ máy, không bấm còi khi không cần thiết.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GP-UBND ngày.../.../2023 của UBND huyện)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại:

TT	Các loại chất thải nguy hại	Số lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại	25
2	Dầu động cơ, hộp số, bôi trơn tổng hợp thải	50
3	Hộp mực in thải	2
4	Mực in thải	1
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	15
6	Chấn lưu hỏng của bóng đèn huỳnh quang	10
7	Bình xịt chưa đảm bảo rỗng hoàn toàn	15
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại	45
9	Pin, ắc quy thải	10
Tổng		170

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:

TT	Các loại chất thải	Số lượng (kg/ngày)
1	Vải vụn, sản phẩm hỏng	331
2	Thùng cattong, bao bì, ống giấy cuộn vải, băng dính, dây buộc	102
3	Các loại chất thải khác: Cúc khoá hỏng, pallet vỡ hỏng, ống chi...	112
Tổng số		545

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 243 kg/ngày, chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh... Giấy và các loại phế thải phục vụ văn phòng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng chứa có dung tích 30 lít, 40 lít, 60 lít, 80 lít, 120 lít, mỗi loại chất thải được lưu giữ vào các thùng riêng biệt, dán mã số tương ứng với từng

loại bên ngoài thùng để vào kho chứa chất thải nguy hại với diện tích $11,55 \text{ m}^2$ ($3,3 \times 3,5\text{m}$) để lưu giữ tạm thời.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: $11,55\text{m}^2$.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại: Tường xây gạch bao quanh, mái lợp tôn, nền đổ bê tông.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các loại chất thải có khả năng tái chế: Thùng cattong, các ống giấy cuộn vải, bao bì bằng giấy... được bó thành các bó sau đó để vào kho chứa chất thải sản xuất diện tích $13,3\text{m}^2$ ($3,5 \times 3,8\text{m}$) sau đó bán cho đơn vị có nhu cầu sử dụng để tái chế.

- Các chất thải không có khả năng tái chế: Đầu mẫu vải vụn, chỉ, sản phẩm hỏng... được cho vào các bao chứa lưu giữ tại kho chứa chất thải rắn sản xuất diện tích $13,3\text{m}^2$ ($3,5 \times 3,8\text{m}$).

2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa trong xưởng:

- Diện tích kho chứa chất thải: $13,3\text{m}^2$ ($3,5 \times 3,8\text{m}$).

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải: Tường xây gạch bao quanh, mái lợp tôn, nền đổ bê tông.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng đựng rác có nắp đậy dung tích từ 40 – 150 lit đặt tại nhà bếp, nhà ăn, văn phòng, đường đi trong dự án để thu gom chất thải sinh hoạt. Sau đó chất thải sinh hoạt lại được tiếp tục thu gom vào các thùng chứa lớn đặt trong khu lưu giữ chất thải sinh hoạt diện tích $10,5\text{m}^2$ ($3 \times 3,5\text{m}$).

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa trong xưởng:

- Diện tích khu lưu giữ chất thải: $10,5\text{m}^2$ ($3 \times 3,5\text{m}$).

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu giữ chất thải: Khung kèo thép chịu lực, mái lợp tôn, nền đổ bê tông

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống máy móc, thiết bị. Trường hợp hệ thống bị hỏng hóc cần kịp thời sửa chữa tránh thải ra môi trường làm ô nhiễm môi trường.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số:/GP-UBND ngày/2023 của UBND huyện)

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tại Dự án để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B trước khi đầu nối về hệ thống thu gom nước thải và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Đồng Đình, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực. Trong thời gian cụm công nghiệp Đồng Đình chưa có trạm xử lý nước thải tập trung, Công ty TNHH Hana Kovi Việt Nam xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A, thoát vào rãnh thoát nước thải của cụm công nghiệp Đồng Đình rồi thải ra môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường./.